

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023.

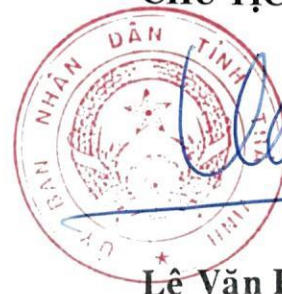
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ KH và ĐT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BLĐVP;
- Các phòng, ban thuộc VP;
- Cổng thông tin điện tử (đăng tải);
- Lưu: VT, THNV. 03

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hân



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ
về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường
kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023**

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND

Ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Năm 2022 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 05 năm 2021-2025. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức như: Xung đột quân sự Nga - Ukraine kéo dài đã làm ảnh hưởng đến thị trường, sản xuất; giá đầu vào biến động làm cho kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn; trong nước, giá xăng dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực; trên địa bàn tỉnh, ngoài ảnh hưởng của tình hình thế giới, trong nước thì dịch bệnh trong chăn nuôi (dịch tả heo châu Phi, sâu đầu đen hại dừa) còn xảy ra, lây lan nhanh, kéo dài; biến đổi khí hậu (triều cường, sạt lở) gây thiệt hại không nhỏ cho sản xuất và đời sống của Nhân dân.... Tuy nhiên, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, của Tỉnh ủy, sự nỗ lực, đoàn kết, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ và tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, nên năm 2022 kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được những kết quả quan trọng: 21/23 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, GRDP bình quân đầu người ước đạt 71,07 triệu đồng/người, thu ngân sách nội địa 5.507 tỷ đồng, tăng 8,79% so với cùng kỳ; công tác an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm nhiều hơn, dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh nguy hiểm khác được kiểm soát; văn hóa, giáo dục tiếp tục có bước phát triển, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo.

Năm 2023 là năm có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu ba phần tư chặng đường thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI. Trong bối cảnh dự báo sẽ có nhiều khó khăn, thách thức, để phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt 7,5% trở lên so với năm 2022 và các chỉ tiêu chủ yếu khác đã đề ra trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được trong những năm qua; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Kế hoạch của UBND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2023 và Kế hoạch này.

I. QUÁN TRIỆT CHỦ ĐỀ, QUAN ĐIỂM VÀ TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ

Các sở, ngành, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc tinh thần chủ đề điều hành năm 2023: *"Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả"* và 06 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ phủ trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết chuyên đề, các Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ. Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, các Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, trong đó, chú trọng 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm và 12 nhóm giải pháp chủ yếu, đã được cụ thể hóa tại Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 và Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của UBND tỉnh...

2. Đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, chung sức, đồng lòng quyết tâm hành động cao nhất theo tinh thần "Tiền hô hậu ủng", "Nhất hô bá ứng", "Trên dưới đồng lòng", "Dọc ngang thông suốt" để tạo nên sức mạnh tổng hợp, sự đồng tâm nhất trí của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; thích ứng linh hoạt, hiệu quả với bối cảnh, tình hình dễ "biến nguy thành cơ", kiên quyết khắc phục khó khăn, thách thức, tranh thủ thời cơ, thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế thực chất, hiệu quả.

3. Nâng cao năng lực phân tích, dự báo; chủ động đối với mọi tình huống, nhạy bén nắm bắt những diễn biến mới của tình hình, kịp thời, quyết liệt xử lý có hiệu quả các vấn đề, xây dựng các kịch bản, phương án linh hoạt, thích ứng với các vấn đề mới phát sinh. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách tiền tệ, chính sách thuế trên địa bàn tỉnh góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

4. Thống nhất và quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành, vừa tập trung xử lý hiệu quả các nhiệm vụ thường xuyên, các vấn đề tồn đọng kéo dài, vừa kịp thời ứng phó hiệu quả với những vấn đề cấp bách, bất ngờ phát sinh trong ngắn hạn, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp mang tính căn cơ trong trung và dài hạn. Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho sản xuất, kinh doanh; làm việc nào dứt điểm việc đó, không để kéo dài gây ách tắc, lãng phí nguồn lực; bảo đảm đồng bộ các mục tiêu trước mắt và lâu dài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

5. Phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường bền vững, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân

nói chung, nhất là người có công, hộ nghèo, các đối tượng yếu thế và đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Tiếp tục củng cố, giữ vững quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp theo Phụ lục I; chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo Phụ lục II; một số chỉ tiêu cụ thể của các ngành, lĩnh vực năm 2023 theo Phụ lục III (đính kèm); các đề án, dự án theo Chương trình công tác năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh (Chương trình số 89/CTr-UBND ngày 28/12/2022).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố:

1.1. Trong tháng 01/2023, xây dựng, ban hành văn bản cụ thể triển khai thực hiện Kế hoạch này, trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

1.2. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện, **định kỳ hàng tháng, quý tổng hợp, báo cáo lồng ghép trong báo cáo kinh tế-xã hội, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh; tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch này, gửi Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 10 tháng 11 năm 2023, để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.**

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, tổng hợp báo cáo hàng tháng, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tại phiên họp UBND tỉnh hàng tháng để kịp thời có giải pháp tháo gỡ.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, địa phương tổng kết thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đúng thời gian quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh, các sở, ngành, địa phương phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch này trong các ngành, địa phương và Nhân dân./.

Phụ lục I
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU
(Kèm theo Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện
Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi/đôn đốc/tổng hợp báo cáo
I.	Tiếp tục ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế		
1.	Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối theo định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương; theo dõi, quản lý chặt chẽ, đảm bảo hoạt động ngân hàng trên địa bàn hoạt động ổn định.	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước	
2.	Chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời theo quy định pháp luật; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính (TTHC) về thuế, đẩy mạnh điện tử hóa quản lý thuế; chống chuyển giá, trốn thuế, quyết liệt thu hồi nợ thuế; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí.	Cục Thuế	
3.	Siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong quản lý tài chính - ngân sách nhà nước; điều hành chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; không bố trí cho các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, các chính sách chưa ban hành; cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu,	Sở Tài chính, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài chính
4.	Triển khai quyết liệt, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia.	Các sở, ngành có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5.	Thực hiện tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn	Chi nhánh Ngân	

	doanh nghiệp, người dân nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; tập trung vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Triển khai quyết liệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý đối với các tổ chức tín dụng; trong đó, tiếp tục khuyến khích các tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí, ổn định mặt bằng lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.	hàng Nhà nước	
6.	Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025, Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện các giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng; đảm bảo an toàn công nghệ thông tin và hoạt động thanh toán trên địa bàn.	Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước	
7.	Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tăng cường thu hút đầu tư xã hội, nguồn vốn FDI chất lượng cao, đẩy mạnh hơn nữa hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.	Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước; đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, mở rộng thị trường xuất khẩu, chú trọng khai thác các FTA, nhất là các FTA thế hệ mới. Tiếp tục quản lý, điều hành chặt chẽ nguồn cung ứng các mặt hàng thiết yếu, nhất là điện, xăng dầu, có giải pháp đảm bảo nguồn cung trong mọi tình huống.	Sở Công Thương, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Công Thương
9.	Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, đầu cơ, thao túng, tăng giá bất hợp lý.	Sở Công Thương, Cục Quản lý thị trường, các sở, ngành liên quan	Cục Quản lý thị trường
II.	Tiếp tục tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh		
10.	Tiếp tục kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và các dịch bệnh mới phát sinh. Theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh để có biện pháp phòng, chống dịch, phương án xử lý	Sở Y tế, các sở, ngành liên quan,	Sở Y tế

	có hiệu quả, kịp thời các tình huống, giữ vững thành quả phòng, chống dịch COVID-19. Chủ động phương án ứng phó với các tình huống dịch bệnh mới có thể xảy ra.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	
III.	Tăng cường xây dựng, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí		
11.	Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới và Kế hoạch số 11/KH-TW ngày 28/11/2022 thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW. Quán triệt và thực hiện nghiêm văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.	Sở Tư pháp	
12.	Tiếp tục thực hiện nghiêm Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật.	Sở Tư pháp	
13.	Tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định, có chất lượng công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023. Tiếp tục chú trọng và phát huy hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản theo thẩm quyền.	Sở Tư pháp	
14.	Đẩy mạnh việc thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính. Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc có điều kiện thi hành án, nhất là các vụ việc trọng điểm, phức tạp, kéo dài.	Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự	
15.	Thực hiện tốt công tác truyền thông chính sách; tổ chức triển khai có hiệu quả các Chương trình, Đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đổi mới, đa dạng hóa hình thức tiếp cận pháp luật cho người dân. Giải quyết kịp thời yêu cầu của người dân, doanh nghiệp trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đăng ký biện pháp bảo đảm... Hiện đại hóa, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống trợ giúp pháp lý để người dân, doanh	Sở Tư pháp, các sở, ngành có liên quan	Sở Tư pháp

	nghiệp dễ tiếp cận pháp luật; tăng cường công tác phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, hoạt động của chính quyền cơ sở.		
16.	Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở theo quy định pháp luật, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tế đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở, phần đầu đạt tỷ lệ trên 85%; thực hiện tốt các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo đã có hiệu lực pháp luật, phần đầu đạt tỷ lệ trên 90%. Chú trọng làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở gắn với công tác dân vận, tích cực vận động quần chúng nhân dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hạn chế việc khiếu nại, tố cáo không đúng quy định.	Các sở, ngành tỉnh UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thanh tra tỉnh
17.	Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật, các kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác phòng, chống tham nhũng. Tăng cường theo dõi, đánh giá, đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng.	Các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Thanh tra tỉnh
IV.	Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số; cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia		
18.	Đẩy mạnh cải cách công vụ, công chức; đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và các quy định liên quan cán bộ, công chức, viên chức nhằm bảo đảm đồng bộ quy định của Đảng; triển khai thực hiện kịp thời chính sách cải cách chính sách tiền lương và chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức. Cải thiện điều kiện và môi trường làm việc, khắc phục tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức và tình trạng công chức, viên chức xin nghỉ việc.	Sở Nội vụ, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ
19.	Tiếp tục thực hiện tốt công tác tinh giản biên chế theo tinh thần Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị và đúng quy định pháp luật. Đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với thực hiện hiện quả lộ trình giảm biên chế hàng năm để đến năm 2026 đạt chỉ tiêu giảm 5% biên chế công chức và 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về tự chủ đơn vị sự nghiệp	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã,	Sở Nội vụ

	công lập và xã hội hóa dịch vụ công.	thành phố	
20.	Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022 - 2025; hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong 2 năm 2023, 2024.	Sở Nội vụ, các sở, ngành, các địa phương có liên quan	Sở Nội vụ
21.	Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030.	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ
22.	Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có hiệu quả các nhiệm vụ đẩy mạnh cải cách TTHC, hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả thực thi TTHC phục vụ người dân, doanh nghiệp tại Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022. Tập trung rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước. Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Văn phòng UBND tỉnh
23.	Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC; Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương có liên quan	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh
24.	Sớm hoàn thành xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo tinh thần năm 2023 là "Năm Dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới"..	Công an tỉnh	
25.	Tiếp tục phấn đấu đạt mục tiêu nâng hạng các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh đến năm 2025 và năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở ngành có liên quan, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư

26.	Tiếp tục rà soát, kiến nghị Trung ương bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng, thiếu cụ thể, khó xác định...	Các sở ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	
27.	Chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp kém hiệu quả; rà soát, điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra để đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường, đúng luật pháp của doanh nghiệp.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
28.	Thực hiện hiệu quả Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2022-2025 ban hành tại Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh; nâng cao chất lượng, phát huy hiệu quả hoạt động của Vườn ươm doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư
V.	Đẩy mạnh thực hiện thực chất, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính độc lập, tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế		
29.	Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, sớm khắc phục các tồn tại, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2023, đặc biệt là các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm, dự án có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai quyết liệt giải ngân vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng đối tượng, tránh trục lợi.	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư
30.	Khẩn trương thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN) giai đoạn 2021 - 2025 theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm công khai, minh bạch. Tập trung tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại doanh nghiệp, dự án, công trình đầu tư và vốn, tài sản nhà nước để có giải pháp cơ cấu lại, xử lý phù hợp. Đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo lộ trình, tiêu chí, danh mục phân loại DNNN, đảm bảo Nhà nước nắm giữ tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định pháp luật; tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính,	Các doanh nghiệp nhà nước	Sở Kế hoạch và Đầu tư

	khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải nhưng không hiệu quả của DNNN.		
31.	Phát triển mạnh sản xuất công nghiệp theo chiều sâu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng các ngành nghề chế biến, chế tạo. Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại các ngành công nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi số, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục sản xuất kinh doanh, đưa các dự án công nghiệp đi vào vận hành nhằm gia tăng năng lực sản xuất; mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu. Thực hiện đồng bộ các giải pháp ổn định sản xuất, bảo đảm cân đối cung cầu các hàng hóa cơ bản, thiết yếu như: xăng dầu, điện, than, phân bón... Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.	Sở Công Thương, các sở, ngành, địa phương liên quan	Sở Công Thương
32.	Phát triển thị trường vật liệu xây dựng ổn định bền vững, tăng tỷ lệ sử dụng vật liệu xây dựng thay thế, vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường.	Sở Xây dựng	
33.	Tập trung thực hiện hiệu quả các chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn; từng bước chuyển tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Phát triển thị trường tiêu thụ nông, thủy sản; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, dự báo thị trường. Tăng cường công tác khoa học công nghệ và khuyến nông; nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm. Thực hiện các chiến lược phát triển ngành hàng theo hướng tích hợp đa giá trị, tăng hàm lượng khoa học công nghệ. Đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường phòng, chống thiên tai hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
34.	Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án “Kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025” và Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tập trung vào các dịch vụ ưu tiên phát triển như dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ logistics và vận tải, dịch vụ tài chính ngân hàng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Chi nhánh Ngân hàng nhà nước	

35.	Tiếp tục triển khai quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị, chương trình, đề án của Chính phủ về phát triển du lịch. Cơ cấu lại ngành du lịch theo hướng tăng cường kết nối với khu vực và cả nước; chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị; hình thành nên các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo dựa trên nền tảng các giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc, điều kiện tự nhiên đặc trưng; đẩy mạnh xây dựng, phát triển các sản phẩm du lịch mới. Có các giải pháp phù hợp hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh du lịch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực du lịch.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
36.	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/8/2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030; hoàn thành trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư
37.	Rà soát để giải quyết các vướng mắc trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở các địa phương.	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố,	Sở Tài nguyên và Môi trường
38.	Triển khai quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường liên kết vùng để phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của địa phương.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành có liên quan	Sở Kế hoạch và Đầu tư
39.	Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Xây dựng
VI.	Tập trung phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, hạ tầng số. Tập trung bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên		
40.	Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng giao thông quan trọng có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội	Sở Giao thông vận tải, UBND các	Sở Giao thông vận tải

	địa phương	huyện, thị xã, thành phố	
41.	Bảo đảm tiến độ đầu tư, xây dựng các công trình điện; triển khai hiệu quả Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII), Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được phê duyệt. Tập trung tháo gỡ khó khăn để đưa các dự án điện có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đi vào vận hành, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định.	Sở Công Thương, các sở, ngành liên quan	Sở Công Thương
42.	Triệt để xử lý các dự án “treo”, dự án chậm tiến độ; bảo đảm lợi ích của người dân trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, không để xảy ra khiếu kiện, phát sinh thành điểm nóng về an ninh, trật tự.	Các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư
43.	Xây dựng và phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu của tỉnh kết nối đồng bộ, thống nhất với vùng, quốc gia, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số. Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông đồng bộ, hiện đại, đảm bảo an toàn - an ninh thông tin, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành liên quan và địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông
44.	Phát triển hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Rà soát, đánh giá điều chỉnh nhiệm vụ công trình thủy lợi, tập trung đầu tư hoàn chỉnh hệ thống công trình; trọng tâm là thủy lợi nội đồng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới. Kiểm tra, rà soát, đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai của công trình kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đê, khu neo đậu trú tránh bão.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
45.	Triển khai Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai kết nối với hệ thống thông tin đất đai quốc gia thống nhất, tập trung. Rà soát, xử lý hiệu quả các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng; đề xuất các giải pháp xử lý các vướng mắc của các dự án sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để đưa các nguồn lực vào phát triển.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành, liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài nguyên và Môi trường
46.	Quản lý, khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế biển. Triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh nguồn nước, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện,	Sở Tài nguyên và Môi trường

		thị xã, thành phố	
47.	Kiểm soát, giám sát chặt chẽ nguồn thải, xử lý các cơ sở ô nhiễm nghiêm trọng. Đa dạng hóa, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng môi trường, xử lý, tái chế chất thải, nước thải với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Phân đầu thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành, địa phương liên quan	Sở Tài nguyên và Môi trường
VII.	Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp		
48.	Tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kết luận số 51-KL/TW; thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả và chất lượng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đảm bảo tiến độ và chất lượng biên soạn, thẩm định, trình phê duyệt và đưa vào dạy học kịp thời tài liệu giáo dục địa phương. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực, chất lượng, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; giải quyết hiệu quả, cơ bản tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ. Đẩy mạnh thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo
49.	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, gắn kết công tác đào tạo nghề với thị trường lao động, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, thực hiện có hiệu quả Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường Đại học Trà Vinh, Trường Cao đẳng Nghề	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
50.	Tiếp tục phát triển đổi mới sáng tạo. Tích cực triển khai các Chương trình khoa học và công nghệ giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan,	Sở Khoa học và Công nghệ

		UBND các huyện, thị xã, thành phố	
VIII.	Chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội		
51.	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận của Tổng Bí thư tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc, Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị. Không ngừng phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam, phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội. Quan tâm hơn việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản, văn hoá dân tộc, các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể; tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa. Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội, phát huy những giá trị thuần phong, mỹ tục, nhất là trên không gian mạng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, thực hiện tốt công tác kiểm kê, xếp hạng, ghi danh, quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, di tích. Triển khai Chương trình quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2022 - 2030, Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, xã hội hóa, thu hút đầu tư cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản. Thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đẩy mạnh phát triển thể dục, thể thao; chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất sẵn sàng tham dự giải thể thao quốc gia, quốc tế.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
52.	Khắc phục tình trạng thiếu nhân lực, thuốc, trang thiết bị y tế, vật tư, sinh phẩm y tế. Nâng cao năng lực hệ thống, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng; nâng cao năng lực điều trị của tất cả các tuyến. Đẩy mạnh quản lý sức khỏe toàn dân; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em, người lao động; tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển y dược cổ truyền. Quan tâm thúc đẩy phát triển các bệnh viện, cơ sở y tế khu vực ngoài nhà nước. Duy trì mức sinh thay thế, kiểm soát tốc độ tăng mất cân bằng giới tính khi sinh. Tăng cường thanh tra, kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Thúc đẩy triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số y tế.	Sở Y tế, các sở ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Y tế

53.	Phát triển thị trường lao động linh hoạt, bền vững và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường kết nối cung - cầu lao động nhằm huy động và sử dụng quả nguồn nhân lực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển thị trường lao động ngoài nước, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp, quản lý lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá hiện tượng một bộ phận lao động chưa quay lại thị trường lao động sau dịch Covid-19 để có giải pháp phù hợp.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và xã hội
54.	Thu hút đầu tư phát triển nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp. Thực hiện Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030.	Sở Xây dựng, các sở, ngành, địa phương liên quan	Sở Xây dựng
55.	Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Đẩy mạnh thực hiện chi trả các chế độ an sinh xã hội (bao gồm lương hưu, các khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công...) qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng luân phiên người có công với cách mạng; thực hiện hiệu quả các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng Nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; tăng cường vận động, hỗ trợ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và xã hội
56.	Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều; động viên, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và xã hội
57.	Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng. Tập trung triển khai hiệu quả các đề án, chương trình, chiến lược, quy định về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Sở Nội vụ, Ban Dân tộc, UBND các huyện, thị xã,	Sở Nội vụ, Ban Dân tộc,

		thành phố	
58.	Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, bảo đảm trẻ em được phát triển toàn diện. Thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; chủ động giải quyết các vấn đề về trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; kiểm soát và giảm số vụ trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước, tai nạn giao thông.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và xã hội
59.	Chú trọng chăm lo và phát huy vai trò người cao tuổi; tổ chức thực hiện tốt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021-2030, Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030. Rà soát, kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ, chính sách đối với người cao tuổi và hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện cụ thể việc tham gia bảo hiểm y tế đối với người cao tuổi chưa có thể bảo hiểm y tế.	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và xã hội
60.	Triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030; Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025, Chương trình truyền thông về bình đẳng giới đến năm 2030,...	Lao động- Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và xã hội
61.	Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, nhất là trong dịp Lễ, Tết. Hỗ trợ kịp thời về lương thực, nhà ở, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh.	Lao động- Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Lao động - Thương binh và xã hội
IX.	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội		
62.	Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng; nắm chắc, đánh giá kịp thời, chính xác tình hình, tuyệt đối không chủ quan, không để bị động, bất ngờ. Tiếp tục triển khai hiệu quả các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh trong năm 2023. Tiếp tục xây dựng, củng cố nền quốc	BCH Quân sự tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng	

	phòng toàn dân vững mạnh, khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc. Tập trung xây dựng Quân sự, Biên phòng vững mạnh. Chủ động xây dựng phương án, kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, phương án phòng thủ dân sự, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, sự cố môi trường, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.		
63.	Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, bảo đảm an ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng, an ninh kinh tế, bảo vệ bí mật nhà nước. Giải quyết có hiệu quả các vụ tranh chấp, khiếu kiện, đình công, lãn công, nhất là các vụ việc liên quan đến đất đai, tôn giáo, dân tộc, không để kẻ địch lợi dụng chống phá, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự.	Công an tỉnh, các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh
64.	Triển khai các giải pháp kiềm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội. Tập trung đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm tham nhũng, kinh tế, buôn lậu. Tập trung tấn công trấn áp mạnh, quyết liệt với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm đánh bạc; hoạt động phạm tội của các băng nhóm lưu động, băng nhóm “tín dụng đen” đòi nợ, siết nợ, bảo kê, “tội phạm đường phố”, tội phạm mua bán người; các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy xuyên quốc gia, các tụ điểm phức tạp về ma túy. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm. Đẩy mạnh công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	Công an tỉnh, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh
65.	Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là quản lý người nước ngoài, quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kiềm chế sự gia tăng tai nạn giao thông và cháy nổ, làm giảm số vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng và các vụ cháy, nổ lớn. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân năm 2030 thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.	Công an tỉnh, các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh

X.	Thực hiện hiệu quả các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế		
66.	Quán triệt, triển khai đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại. Tiếp tục triển khai hiệu quả các FTA; thúc đẩy giao lưu nhân dân, hợp tác văn hóa. Tiếp tục đổi mới, triển khai hiệu quả công tác người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân.	Các sở, ngành có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh
XI.	Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội		
67.	Đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách, chú trọng và tập trung công tác truyền thông chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh. Tuyên truyền các mô hình hay, gương người tốt việc tốt, cách làm mới và hiệu quả, góp phần truyền cảm hứng, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp; kịp thời phản bác, chấn chỉnh, đấu tranh với các luận điệu sai trái.	Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, các sở, ngành, địa phương	Sở Thông tin và truyền thông
68.	Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, dân chủ cơ sở, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức xã hội, đoàn thể Nhân dân, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.	Sở Nội vụ, các sở, ngành, địa phương	Sở Nội vụ



Phụ lục II
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện
Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Phần đầu tăng trưởng GRDP đạt 7,5% <i>(có tính giá trị sản xuất nhiệt điện)</i> ; 7,75% <i>(không tính giá trị sản xuất nhiệt điện)</i> so với ước thực hiện năm 2022	Cục Thống kê
2	GRDP bình quân đầu người đạt 75,96 triệu đồng/người/năm, tương đương 3.274USD <i>(có tính giá trị sản xuất nhiệt điện)</i> ; đạt 62,04 triệu đồng/người/năm, tương đương 2.674USD <i>(không tính giá trị sản xuất nhiệt điện)</i> .	Cục Thống kê
3	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ và thuế sản phẩm trong GRDP chiếm 70,58% <i>(có tính giá trị sản xuất nhiệt điện)</i> ; chiếm 63,98% <i>(không tính giá trị sản xuất nhiệt điện)</i>	Cục Thống kê
4	Phần đầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội 32.000 tỷ đồng.	Cục Thống kê
5	Phát triển mới 520 doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	Tỷ lệ đô thị hóa đạt 31,1%.	Sở Xây dựng
7	Thu nội địa 5.701 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 1.220 tỷ đồng.	Cục Thuế tỉnh Chi cục Hải quan
8	Giữ vững 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; có thêm huyện Trà Cú đạt chuẩn	Sở Nông nghiệp và Phát triển

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	nông thôn mới và 10 xã nông thôn mới nâng cao; huyện Tiểu Cần, huyện Cầu Kè đạt huyện nông thôn mới nâng cao; 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.	nông thôn
9	Tỷ trọng lao động: trong nông nghiệp còn 44%, trong công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt 56% trong tổng lao động xã hội.	Cục Thống kê, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 69,3%; trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36,04%. Tạo việc làm mới cho 23.000 lao động	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội
11	Tỷ lệ thất nghiệp còn 2%.	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội
12	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học: Tiểu học: 100%; trung học cơ sở: 98,6%.	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Có 26,43 giường bệnh/vạn dân; 9,6 bác sĩ/vạn dân.	Sở Y tế
14	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 94,8%	Bảo hiểm xã hội
15	Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 0,5% (trong đồng bào dân tộc Khmer giảm 1%).	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội
16	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội đạt 21,72% lực lượng lao động trong độ tuổi, trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 4% lực lượng lao động xã hội	Bảo hiểm xã hội
17	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 99,6%.	Sở Công Thương

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
18	Có 99,3% dân cư thành thị; 99,8% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh (<i>trong đó nước sạch 79,2%</i>).	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt 99,35%; tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý đạt 100%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn thải sinh hoạt: đô thị đạt 98,3%, nông thôn đạt 78,8%; tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg được xử lý đạt 87,5%	Sở Tài nguyên và Môi trường
20	Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,1% diện tích tự nhiên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
21	Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.	Công an tỉnh
22	Phấn đấu 90% xã, phường, thị trấn và 95% cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục trở lên đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.	Công an tỉnh
23	Có trên 98% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh	BCH Quân sự tỉnh



Phụ lục III
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ CHỖ CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện
Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2023	Chỉ tiêu tỉnh năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
I	Một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô				
1	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng	%	< 3	< 3	Chi nhánh Ngân hàng nhà nước
2	Tỷ trọng chi thường xuyên (không bao gồm chi cải cách tiền lương và tính giản biên chế) so với tổng chi cân đối NSDP	%	63	62	Sở Tài chính
3	Tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với tổng chi cân đối NSDP	%	35	38	Sở Tài chính
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP/GRDP	%	Khoảng 34	41,3%	Cục Thống kê
II	Một số chỉ tiêu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng				
5	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	9	7,44	Sở Công Thương
III	Một số chỉ tiêu về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ công				
6	Tổng điện năng sản xuất	Tỷ kWh	289,9-294,3	12,616	Sở Công thương
	Tốc độ tăng	%	8-9,7	9,05	
7	Tổng công suất nguồn điện (không bao gồm điện mặt trời mái nhà)	MW	83.156	4.894,8	Sở Công thương
	Tốc độ tăng	%	4,4	0	

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2023	Chỉ tiêu tỉnh năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
8	Tỷ lệ người sử dụng Internet	%	76	76	Sở Thông tin và Truyền thông
9	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	Thuê bao	90	90	Sở Thông tin và Truyền thông
10	Số thuê bao băng rộng cố định trên 100 dân	Thuê bao	25	25	Sở Thông tin và Truyền thông
11	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet	%	87	87	Sở Thông tin và Truyền thông
12	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động	%	99,9	99,9	Sở Thông tin và Truyền thông
13	Tổng số chứng thư số đang hoạt động	Chứng thư	1.990.000	5.500	Sở Thông tin và Truyền thông
14	Tỷ lệ sử dụng địa chỉ Internet thế hệ mới IPv6 trên mạng Internet Việt Nam	%	57	50	Sở Thông tin và Truyền thông
IV	Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng nông thôn mới; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội				
15	Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ	%	29	8%	Sở Giáo dục và Đào tạo
16	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo	%	92,5	85	Sở Giáo dục và Đào tạo
17	Tình đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3		25	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
18	Tình đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2		10	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
19	Tỷ lệ số người biết chữ trong độ tuổi theo quy định	%	98,70	98,70	Sở Giáo dục và Đào tạo
20	Tỷ lệ đạt chuẩn xóa mù chữ (mức độ 2)		74,60	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2023	Chỉ tiêu tỉnh năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
21	Tỷ lệ giảng viên đại học có bằng tiến sĩ	%	33	9	Sở Giáo dục và Đào tạo
22	Số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	Khoảng 120.000	900	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội
23	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo thất nghiệp	%	Khoảng 31,5-32	13,75	Bảo hiểm xã hội
24	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng kịp thời	%	Trên 90	Trên 90	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội
25	Tỷ lệ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, phụng dưỡng, chăm sóc kịp thời	%	Trên 90	Trên 90	Sở Lao động- Thương binh và Xã hội
26	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới	%	80	100	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
27	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	Trên 80	Trên 80	Sở Y tế
28	Tuổi thọ trung bình (tính từ lúc sinh)	Tuổi	73,8	74,68	Sở Y tế
29	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	Trên 80	Trên 80	Sở Y tế
30	Tỷ số giới tính của trẻ em mới sinh	Số bé trai/100 bé gái	111,2	111,2	Sở Y tế
31	Số được sỹ đại học trên 10.000 dân	Người	3,06	3,7	Sở Y tế
32	Số điều dưỡng trên 10.000 dân	Người	13,0	9,5	Sở Y tế
33	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	Số ca/1.000 trẻ đẻ sống	Dưới 13,1	2,4	Sở Y tế
34	Tỷ suất tử vong của trẻ em < 5 tuổi	Số ca/1.000 trẻ đẻ sống	Dưới 19,5	3	Sở Y tế
35	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	18,6	6,9	Sở Y tế

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2023	Chỉ tiêu tỉnh năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
36	Ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các thông tin xấu, độc, sai sự thật được phát hiện và xác minh trên mạng xã hội	%	Trên 90	Trên 90	Sở Thông tin và Truyền thông
V	Một số chỉ tiêu về cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử				
37	Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	20	20	Sở Thông tin và Truyền thông
38	Chỉ số cải cách hành chính (Par-Index)	Thứ hạng		52	Sở Nội vụ
39	Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Thứ hạng		25	Sở Nội vụ
40	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	40	40	Sở Thông tin và Truyền thông
41	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến	%	30	30	Sở Thông tin và Truyền thông
42	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến	%	60	60	Sở Thông tin và Truyền thông
43	Tỷ lệ cung cấp thanh toán trực tuyến đối với các khoản thuế nội địa của doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	100	Cục Thuế
44	Tỷ lệ các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các bệnh viện từ hạng 2 trở lên cung cấp thanh toán viện phí, học phí trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	50	50	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế
45	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	%	100	100	Văn phòng UBND tỉnh
46	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc (trừ hồ sơ mật)				

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Chỉ tiêu cả nước năm 2023	Chỉ tiêu tỉnh năm 2023	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	trên môi trường mạng				
	<i>Đối với các sở, ngành và tương đương thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</i>	%	100	100	Sở Thông tin và Truyền thông
	<i>Đối với các phòng, ban và tương đương thuộc UBND cấp huyện.</i>	%	95	95	Sở Thông tin và Truyền thông
	<i>Đối với UBND cấp xã.</i>	%	80	80	Sở Thông tin và Truyền thông